

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày: 09-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Phan Thị Thúy Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2015/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2015 về “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2017/QĐXXST-DS ngày 15/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 425/2017/QĐST-DS ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh D - sinh năm: 1971, trú tại: Đường B, chợ Đầu mối nông sản T, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn N – sinh năm 1978, trú tại Đường Y, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2016);

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thanh P - sinh năm: 1973, Đường U, Phường I, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T – sinh năm 1978; trú tại trú tại số 254/98/11H Ấu Cơ, phường 9, quận Tân Bình;

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn N trình bày:

Năm 2011 do quen biết nên ông Dũng có cho ông Phúc vay số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng. Tiếp đó, ông Phúc còn hỏi vay ông Dũng thêm nhiều lần, tổng cộng số tiền ông Phúc đã vay của ông Dũng là 700.000.000 đồng. Sau đó ông Phúc đã trả ông Dũng được 02 lần vào các ngày 30/06/2013 số tiền 21.400.000 đồng và ngày 03/7/2014 số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, ông Phúc còn nợ lại ông Dũng số tiền 478.600.000 đồng. Mặc dù ông Dũng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ nhưng ông Phúc vẫn không trả gây ảnh hưởng tới quyền lợi của ông.

Nay ông Dũng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phúc trả lại số tiền gốc là 478.600.000 đồng kèm theo tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 05/9/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do khi vay tiền chỉ có mình ông Phúc đứng ra vay, ông Dũng cũng không biết vợ ông Phúc là ai nên ông Dũng chỉ yêu cầu cá nhân ông Phúc có trách nhiệm trả số nợ nói trên.

Bị đơn ông Trương Thanh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn T trình bày: Ông xác nhận ông Dũng có nhờ ông chuyển cho ông Phúc số tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 28/6/2010 và 07/7/2010 chuyển số tiền 194.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng và 56.000.000 đồng giao tiền mặt. Do quen biết với ông Dũng nên ông Dũng mới nhờ ông chuyển tiền chứ ông không có bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì trong giao dịch giữa ông Dũng và ông Phúc vì vậy ông không tranh chấp hay có yêu cầu gì đối với số tiền này. Do đó, ông không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn và xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nguyên đơn số tiền 622.180.000 đồng (bao gồm: tiền nợ gốc là 478.600.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/9/2014 theo mức lãi suất 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng là 143.580.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trương Thanh P vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự có mặt chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh P trả lại số tiền 478.600.000 đồng đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài

sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý quan hệ tranh chấp là đòi tài sản, nay xác định lại là tranh chấp hợp đồng vay tài sản cho phù hợp. Ông Phúc có địa chỉ cư ngụ tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 06/6/2016 tại Văn phòng Công chứng Bà Điểm thì ông Nguyễn Thanh D ủy quyền cho ông Lê Văn N là đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông Trương Thanh P lên tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông Phúc vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ nội dung Đơn mượn tiền ngày 20/01/2011 và thư gửi ngày 03/01/2012 thì ông Trương Thanh P có nợ ông Nguyễn Thanh D số tiền 700.000.000 đồng và hứa trả.

Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn về việc bị đơn đã trả được 03 lần tiền, cụ thể: lần 1 ngày 30/6/2013 trả 1.000 đô la Mỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam là 21.400.000 đồng, lần 2 ngày 03/7/2014 trả 100.000.000 đồng và lần 3 ngày 04/9/2014 trả 100.000.000 đồng. Xét thấy tỉ giá ngoại tệ đối với tiền đô la Mỹ ngày 30/6/2013 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam quy đổi 1.000 USD là 21.200.000 đồng, nguyên đơn tự quy đổi để trừ cho bị đơn với tỉ giá là 21.400.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 221.400.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 478.600.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trương Thanh P. Ông Phúc biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến tranh chấp hay phản đối gì. Do đó, có căn cứ để xác định bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 478.600.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[4] Về lãi suất, đại diện nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi là 143.580.000 đồng được tính trên số tiền còn thiếu 478.600.000 đồng từ ngày 05/9/2014 theo mức lãi suất 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$$478.600.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 40 \text{ tháng} = 143.580.000 \text{ đồng.}$$

Nhận thấy việc nguyên đơn tính lãi như trên là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả nợ: Xét số tiền vay đã lâu, bị đơn không trả tiền gây thiệt hại cho nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Trương Thanh P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 622.180.000 đồng (bao gồm: tiền nợ gốc là 478.600.000 đồng và tiền lãi là 143.580.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005, trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[6] Ông Tuấn xác định chỉ chuyển dùm nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng cho bị đơn và việc vay mượn không liên quan đến ông nên không có yêu cầu hay tranh chấp gì vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 622.180.000 đồng phải trả cho nguyên đơn, nên án phí bị đơn phải chịu là 28.887.200 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, Điều 186, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm e khoản 2 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 09/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh D:

Buộc ông Trương Thanh P thanh toán cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 622.180.000 (*Sáu trăm hai mươi hai triệu, một trăm tám mươi nghìn*) đồng, bao gồm: tiền nợ gốc là 478.600.000 (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn*) đồng và tiền lãi từ ngày 05/9/2014 đến ngày 09/01/2018 là 143.580.000 (*Một trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 28.887.200 (*Hai mươi tám triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm*) đồng do ông Trương Thanh P chịu.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 12.433.480 (Mười hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004867 ngày 19/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

Bành Kim Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Minh Tuấn

Nguyễn Thị Lương

Bành Kim Phụng